

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy chế phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam (có danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: số 1173/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp & PTNT, số 1227/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp & PTNT và số 1854/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp & PTNT; Bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /đ

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, NN (C), TH(D);
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

PHỤ LỤC I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật
1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
3	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón
5	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón
6	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
8	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
9	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)
10	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác
1	Công nhận làng nghề truyền thống
2	Công nhận nghề truyền thống
3	Công nhận làng nghề
4	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh
5	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư
III	Lĩnh vực Lâm nghiệp
1	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập
2	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
3	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES
4	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên
5	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
6	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)
7	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)
8	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác
9	Miễn giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch

	vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi 01 tỉnh)
10	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh
11	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng
12	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ
13	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ
14	Xác nhận bảng kê lâm sản
15	Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)
5	Hỗ trợ dự án liên kết
6	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
7	Cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
V	Lĩnh vực Thú y
1	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)
5	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)
8	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại
9	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
10	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
11	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)
12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

13	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
14	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận
15	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
16	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực Thủy lợi
1	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
2	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
6	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
7	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
8	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh
9	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
10	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
11	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
13	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý
14	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý
15	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
16	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
VII	Lĩnh vực Thủy sản

1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)
2	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
4	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực
VIII	Lĩnh vực Trồng trọt
1	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng
2	Cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm
3	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
4	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
IX	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
X	Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình
1	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thẩm định thiết kế cơ sở
2	Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế, kỹ thuật xây dựng công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn
3	Thủ tục thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở của các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn

PHỤ LỤC II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HÀ NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1923 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác
1	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
2	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
3	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.
4	Bố trí ổn định dân cư trong huyện
5	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
6	Hỗ trợ dự án liên kết
II	Lĩnh vực Lâm nghiệp (áp dụng đối với những huyện có rừng)
1	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)
2	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)
3	Xác nhận bảng kê lâm sản
III	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

PHỤ LỤC III
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai
1	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
2	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu
II	Lĩnh vực Trồng trọt
1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa
III	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương